

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KCM VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KCM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KCM VIETNAM TRADING INVESTMENT AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KCM VIETNAM CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109623940

3. Ngày thành lập: 07/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 17, ngách 281/5, ngõ 281 đường Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986395698

Fax:

Email: Khanhvt81@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
2.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
3.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
4.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
6.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Giám sát thi công xây dựng - Kiểm định xây dựng - Định giá xây dựng	7110
7.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, chứng khoán và tài chính)	7020
8.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...; - Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy; - Kiểm tra kỹ thuật hàn và mối hàn; - Phân tích lỗi.	7120

9.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Tư vấn bất động sản	6820
10.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xử lý phòng chống mỗi một công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi (không bao gồm xông hơi, khử trùng và sử dụng các loại hóa chất Nhà nước cấm)	4390
11.	Xây dựng nhà để ở	4101
12.	Xây dựng nhà không để ở	4102(Chính)
13.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
14.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
15.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
16.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
17.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
18.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
19.	Xây dựng công trình điện	4221
20.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
21.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Trừ hoạt động đấu giá	4511
25.	Bán mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4541
26.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
27.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4543
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
29.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
30.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
31.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
32.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740

33.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
34.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
35.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
36.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830
37.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010
38.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
39.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
40.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
41.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	VŨ TRỌNG KHÁNH	Việt Nam	Số 09, ngách 1, ngõ 880 Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.950.000.000	50,000	013369702	
2	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Việt Nam	Thôn 10, Xã Cẩm Quang, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	4.950.000.000	50,000	183907399	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ TRỌNG KHÁNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *03/01/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *013369702*

Ngày cấp: *25/12/2010*

Nơi cấp: *Công an Thành phố Hà Nội*

Địa chỉ thường trú: *Số 09, ngách 1, ngõ 880 Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 09, ngách 1, ngõ 880 Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*